

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Đinh Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị P, năm sinh: 1983. Địa chỉ: Tổ 10, ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Danh T, năm sinh 1984. Địa chỉ: Tổ 10, ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 24/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị P trình bày: Chị và anh Danh T qua tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên đã chung sống với nhau từ năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc và có 02 người con chung là cháu Danh T Nghĩa, sinh ngày 26/7/2004 và cháu Danh T Nhân, sinh ngày 19/10/2012. Tuy nhiên, cuộc sống chung càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không hiểu nhau và không còn yêu thương nhau. Anh T thường xuyên dùng vũ lực đánh đập chị, thậm chí cầm dao đe dọa chém chị. Ngoài ra, anh T còn có nhiều tật xấu khác như cờ bạc, gái gú. Do đó, từ khoảng tháng 4 năm 2019, anh chị sống ly thân. Từ khi ly thân, chị đi

làm xa, con đầu của anh chị là cháu Nghĩa theo chị chồng của chị đi làm ở Bến Cát, tỉnh Bình Dương, còn con út cháu Nhân thì ở với chị, nhưng từ tháng 11 năm 2019 thì anh T đã đón cháu về nuôi. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Về con chung, hiện nay hai cháu sống với anh T, nếu con theo ai thì người đó nuôi, nếu con theo chị thì chị nhận nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Trường hợp anh T nhận nuôi con, chị cũng đồng ý. Nếu anh T yêu cầu cấp dưỡng thì chị đồng ý cấp dưỡng cho các con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung, anh chị không có và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh T trình bày: Anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống từ năm 2004, anh chị có hai con chung như chị P trình bày. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm nay, giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, anh có đánh chị P 02 lần và một lần anh có quan hệ nam nữ, bị vợ phát hiện, hai người cự cãi nhau nên anh có tát vợ một bạt tay. Vợ anh cũng có lỗi, ăn nhậu bê tha, anh khuyên nhủ nhưng không nghe nên mới dẫn tới vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Anh nhận nuôi hai con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh chị không có và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị P và anh T, nhưng chị P, anh T không có mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, quan hệ chung sống giữa chị P và anh T không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Kể từ tháng 4 năm 2019 đến nay, anh chị sống ly thân, nay chị P yêu cầu ly hôn, nên Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận chị P và anh T là vợ chồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Qua trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Danh T Nghĩa, sinh ngày 26/7/2004 và cháu Danh T Nhân, sinh ngày 19/10/2012. Từ tháng 4 năm 2019, chị P và anh T sống ly thân, chị P đi làm ăn xa, hai cháu sống với anh T và ở gia đình bên nội, anh T vẫn đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho các con và các con có nguyện vọng muốn ở với anh T, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao cháu Nghĩa và cháu Nhân cho anh T trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 14, 15, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Thị P và anh Danh T là vợ chồng.
2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Danh T Nghĩa, sinh ngày 26/7/2004 và cháu Danh T Nhân, sinh ngày 19/10/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001690 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị P đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai